TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T H** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27/6/2025
V/v " Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T H, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- *Thư ký phiên tòa*: *Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2025/TLST- HNGĐ ngày 5 tháng 5 năm 2025 về việc *" Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2025/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị R, sinh năm: 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 339, tổ 14, ấp Đ N A, xã Th Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm: 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 341, tổ 14, ấp Đ N A, xã Th Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2025 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị R trình bày:

Chị Phạm Thị R và anh Nguyễn Minh H chung sống với nhau vào ngày 18 tháng 12 năm 2003 có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn, trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng và không thể hàn gắn. Nay chị R cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 20/10/2004, hiện nay con đã đủ tuổi trưởng thành. Nguyễn Cao Kỳ Ph, sinh ngày 02/01/2009 và Nguyễn Cao Kỳ Q, sinh ngày 01/01/2016, hiện nay các con đang ở với mẹ.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên Tòa chị R vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị R yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh H yêu cầu Tòa án không công nhận giữa chị và anh H là vợ chồng.

- Về con chung: Chị R yêu cầu nuôi con tên Nguyễn Cao Kỳ Ph, sinh ngày 02/01/2009 và Nguyễn Cao Kỳ Q, sinh ngày 01/01/2016, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Đối với Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 20/10/2004 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt, hợp lệ giấy triệu tập cho anh Nguyễn Minh H tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh Hùng đều không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn H cư trú tại số 341, tổ 14, ấp Đ N A, xã Th Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị R và anh Nguyễn Minh H tự nguyện xác lập mối quan hệ hôn nhân vào ngày 18 tháng 12 năm 2003 tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và

gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06- 01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định *"Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ".* Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con… thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.1] Xét mâu thuẫn thực tế của vợ chồng anh chị đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị R cho rằng hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không ai quan tâm đến đời sống của ai, hôn nhân không thể hàn gắn được vợ chồng ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Đồng thời, hôn nhân của anh chị có vi phạm về mặt hình thức, nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị R và anh H.

[3.2] Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh H Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thủ tục tố tụng cho anh H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án về ý kiến và yêu cầu của mình. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị R.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị R xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 20/10/2004, Nguyễn Cao Kỳ Ph, sinh ngày 02/01/2009 và Nguyễn Cao Kỳ Q, sinh ngày 01/01/2016. Chị R yêu cầu được nuôi hai con Nguyễn Cao Kỳ Ph, và Nguyễn Cao Kỳ Q, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4.1] Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị R Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm anh chị sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay cháu Ph và cháu Q vẫn chung sống với chị R. Trong thời gian chung sống với chị R cháu Ph và cháu Q được chị R chăm sóc và phát triển tốt về mặt vật chất, lẫn tinh thần. Theo nguyện vọng của cháu cháu Ph và cháu Q 02 cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *" Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.".*

Từ những nội dung nêu trên Hội đồng xét xử chấp yêu cầu xin được nuôi con của chị R. Tiếp tục giao Nguyễn Cao Kỳ Ph, sinh ngày 02/01/2009 và Nguyễn

Cao Kỳ Q, sinh ngày 01/01/2016 cho chị Phạm Thị R trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 20/10/2004 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên hội đồng không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[6] Về phần nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị R phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, Điều 147, Điều 271, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; các Điều 57, 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị R.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị R và anh Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: Tiếp tục giao Nguyễn Cao Kỳ Ph, sinh ngày 02/01/2009 và Nguyễn Cao Kỳ Q, sinh ngày 01/01/2016 cho chị Phạm Thị R trực tiếp, trông nom,

chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 20/10/2004 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên hội đồng không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

4. Về phần nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị R phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo lai thu số: 46 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị R có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Minh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân ./.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T H;
- THA dân sự huyện T H;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ